

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2018

V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thắng

Ông Nguyễn Nhật Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Hoàng Lan.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 35B, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nông Thị Thu H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Chu Quang T, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Khu Phố 2 N, phường T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

2. Bà Lục Thị Thúy H và ông Nông Văn T. Cùng địa chỉ cư trú: Số nhà 32, thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2017, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Trung N trình bày như sau:

Anh Nguyễn Trung N và chị Nông Thị Thu H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn ngày 20/11/2006. Sau khi kết hôn, anh Nguyễn Trung N và chị Nông Thị Thu H sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung. Đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh nghe nói chị Nông Thị Thu H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, mặt khác công việc của anh bận rộn nhưng chị Nông Thị Thu H không hiểu dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đã xảy ra cả xô sát, đánh nhau.

Tháng 10 năm 2017 chị Nông Thị Thu H đã mang cả hai con về ở hẳn nhà bố mẹ đẻ tại số 32, đường B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc mâu thuẫn của hai vợ chồng có được bố mẹ anh động viên hòa giải để hàn gắn lại vì các con nhưng quan hệ giữa hai vợ chồng không được cải thiện. Anh Nguyễn Trung N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Nông Thị Thu H.

Hai vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 26/8/2008 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/7/2011. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Hồng N đang ở với chị Nông Thị Thu H, còn cháu Nguyễn Hoàng A đang ở với anh; khi ly hôn, anh Nguyễn Trung N yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hoàng A, còn chị Nông Thị Thu H sẽ nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng N; anh không yêu cầu chị Nông Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nông Thị Thu H mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trung N xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh và chị Nông Thị Thu H có vay các khoản nợ chung như sau:

- Vợ chồng anh có vay ông Nông Văn T và bà Lục Thị Thúy H (bố mẹ đẻ của chị Nông Thị Thu H) số tiền là 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng), đã trả được 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), đến nay anh chị còn nợ ông Nông Văn T và bà Lục Thị Thúy H số tiền là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng).

- Năm 2016 vay anh Chu Quang T (bạn của chị Nông Thị Thu H) số tiền là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Anh Nguyễn Trung N tự nguyện có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho anh Chu Quang T, ông Nông Văn T và bà Lục Thị Thúy H.

Bị đơn chị Nông Thị Thu H trình bày:

Chị xác nhận toàn bộ lời trình bày trong yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung N là chính xác, tuy nhiên về mâu thuẫn gia đình chị chỉ thừa

nhận mâu thuẫn về kinh tế do anh Nguyễn Trung N vay nợ tiền Ngân hàng và luôn trong tình trạng say rượu 04 - 05 ngày/tuần, không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến bất đồng quan điểm vợ chồng cãi chửi nhau thường xuyên, có lúc dẫn đến xô sát. Chị đã nhờ bố mẹ chồng khuyên bảo nhưng anh N vẫn không thay đổi. Tháng 10/2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại số 32, đường B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Anh Nguyễn Trung N chưa qua thăm đón mấy mẹ con chị lần nào. Chị cho rằng những mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ vợ chồng nào cũng gặp phải nên chị không muốn ly hôn với anh Nguyễn Trung N, mong muốn hai vợ chồng quay về đoàn tụ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, trong phần tranh luận tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa hỏi về phần tình cảm, chị Nông Thị Thu H thay đổi ý kiến xác định anh Nguyễn Trung N cương quyết xin ly hôn, chị cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Nông Thị Thu H nhất trí để anh Nguyễn Trung N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng A, còn chị trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng N; hàng tháng anh Nguyễn Trung N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho chị là từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Chị Nông Thị Thu H xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung chị Nông Thị Thu H xác nhận hai vợ chồng có nợ ông Nông Văn T, bà Lục Thị Thúy H số tiền là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) và vay anh Chu Quang T số tiền là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) như anh Nguyễn Trung N trình bày. Khi ly hôn chị nhất trí để anh Nguyễn Trung N có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ ông Nông Văn T và bà Lục Thị Thúy H số tiền là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) và anh Chu Quang T số tiền là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn T và bà Lục Thị Thúy H trình bày: Xác nhận việc vay nợ đúng như anh Nguyễn Trung N và chị Nông Thị Thu H đã trình bày, hai vợ chồng đã trả được 25.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 47.000.000 đồng. Khi hai vợ chồng ly hôn, ông bà yêu cầu anh Nguyễn Trung N có trách nhiệm trả số tiền còn nợ lại cho ông bà. Việc anh Nguyễn Trung N tự nguyện nhất trí trả toàn bộ số tiền 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) cho ông bà, ông bà hoàn toàn nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Chu Quang T vắng mặt, tuy nhiên tại đơn trình bày ngày 21/12/2017 anh có ý kiến: Anh có cho vợ chồng anh Nguyễn Trung N và chị Nông Thị Thu H tổng số tiền vay là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) để điều trị chữa bệnh cho anh Nguyễn Trung N tại bệnh viện. Nay anh Nguyễn Trung N và chị Nông Thị Thu H ly hôn, anh yêu cầu anh Nguyễn Trung N có trách nhiệm trả nợ cho anh toàn bộ số tiền trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và ý kiến đề nghị xem xét, giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 203, Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 239, 241, 243, 246, 248, 49, 254, 260 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành yêu cầu triệu tập, thông báo của Tòa án theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa trong phần tranh luận, sau khi Hội đồng xét xử chuyển sang phần hỏi thì các đương sự đã thuận tình ly hôn và thỏa thuận được các vấn đề liên quan trong vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, việc giao con cho các đương sự chăm sóc nuôi dưỡng và xem xét xác định mức cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đề nghị giải quyết vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Chu Quang Thản.

[2] Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số: 81, quyển số 01 ngày 20/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thể hiện hôn nhân giữa anh Nguyễn Trung N và chị Nông Thị Thu H là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trong thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, không được cải thiện dẫn tới ngày càng trầm trọng. Kết quả xác minh tại nơi cư trú, xác nhận hai vợ chồng anh Nguyễn Trung N và chị Nông Thị Thu H có mâu thuẫn, cãi chửi nhau và mẹ con chị Nông Thị Thu H đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 10/2017 đến nay. Anh Nguyễn Trung N và chị Nông Thị Thu H cũng chưa có giải pháp đáng kể để vun đắp, cải thiện hạnh phúc gia đình dẫn đến quan hệ của anh chị ngày càng thêm rạn nứt, căng thẳng. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn sự yêu thương, tôn trọng, thấu hiểu và cảm thông trọn vẹn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Tại phiên tòa trong phần tranh luận, sau khi Hội đồng xét xử hỏi các đương sự, xác định tình cảm vợ chồng không

còn, chị Nông Thị Thu H cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung N và chị Nông Thị Thu H.

[4] Về con chung: Thỏa thuận của các đương sự về việc anh Nguyễn Trung N được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/7/2011 và chị Nông Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 26/8/2008: Căn cứ vào đơn xin xác nhận lương ngày 11/12/2017 thì anh Nguyễn Trung N là Công an, có mức lương là 10.002.000 đồng (mười triệu không trăm linh hai nghìn đồng)/tháng, đảm bảo điều kiện kinh tế nuôi con và điều kiện cấp dưỡng nuôi con cho chị Nông Thị Thu H; căn cứ vào bảng lương tháng 9/2017 thì chị Nông Thị Thu H là cán bộ chi cục thú y, có mức lương là 4.140.500 đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng)/tháng, đảm bảo điều kiện kinh tế nuôi con vì vậy Hội đồng xét xử xem xét giao con cho các bên nuôi con theo thỏa thuận của các đương sự. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị Nông Thị Thu H cũng có lương, có việc làm ổn định, mỗi người lại nuôi một con chung nên Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ chung: Thỏa thuận giữa các đương sự anh Nguyễn Trung N, chị Nông Thị Thu H, ông Nông Văn T, bà Lục Thị Thúy H và anh Chu Quang T về việc anh Nguyễn Trung N có trách nhiệm trả số tiền 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) cho ông Nông Văn T, bà Lục Thị Thúy H; trả số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) cho anh Chu Quang T. Xét thấy nội dung thỏa thuận này là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc trả nợ chung.

[6] Quan điểm phát biểu, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các nhận định nêu trên và có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

[7] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc anh Nguyễn Trung N phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại các Điều 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 174, 177, 227 và 272, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật

Hôn nhân và Gia đình; khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung N và chị Nông Thị Thu H.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/7/2011 cho anh Nguyễn Trung N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng A đủ 18 tuổi;

Giao cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 26/8/2008 cho chị Nông Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Thị Hồng N đủ 18 tuổi;

Anh Nguyễn Trung N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 26/8/2008 với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/3/2018) cho đến khi cháu Nguyễn Thị Hồng N đủ 18 tuổi. Trường hợp anh Nguyễn Trung N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Trung N phải chịu lãi suất chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Nông Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng A vì anh Nguyễn Trung N không yêu cầu.

Anh Nguyễn Trung N và chị Nông Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau: Anh Nguyễn Trung N có trách nhiệm trả số tiền 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) cho ông Nông Văn T, bà Lục Thị Thúy H và số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) cho anh Chu Quang T.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án làm đơn yêu cầu, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Án phí: Anh Nguyễn Trung N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng phải chịu 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng chẵn*), số tiền trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Trung N đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2012/03096 ngày 02/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Anh Nguyễn Trung N còn phải nộp thêm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí sung Ngân sách Nhà nước.

Anh Nguyễn Trung N, chị Nông Thị Thu H, ông Nông Văn T, bà Lục Thị Thúy H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Chu Quang T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. L;
- Chi cục THA dân sự TP. L;
- UBND xã H, TP.Lạng Sơn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Bằng